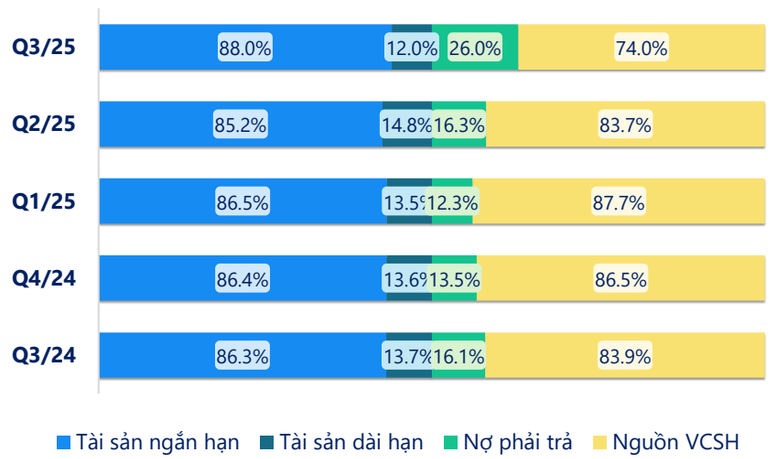
CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HSX: TCH)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	22,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,628
SL cổ phiếu LH	868,680,595
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,314,225
% sở hữu nước ngoài	12.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19,241
P/E	33.6
EPS	659

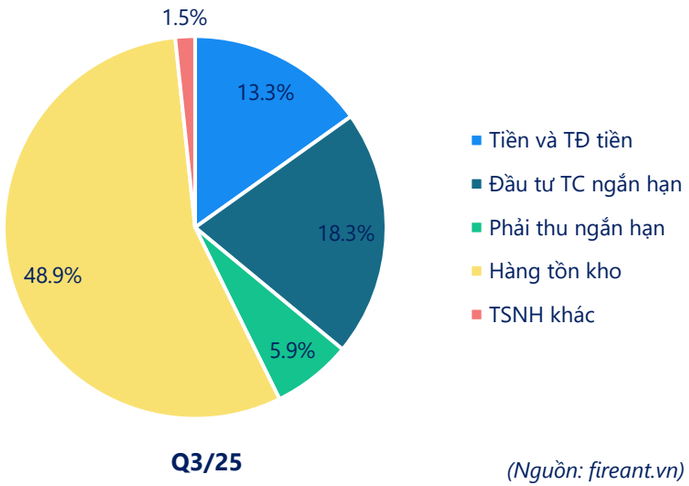
	YTD	1T	3T	6T
TCH	69.7%	-2.2%	29.9%	41.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



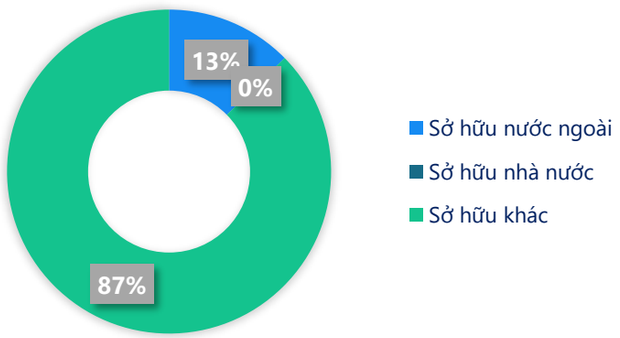
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



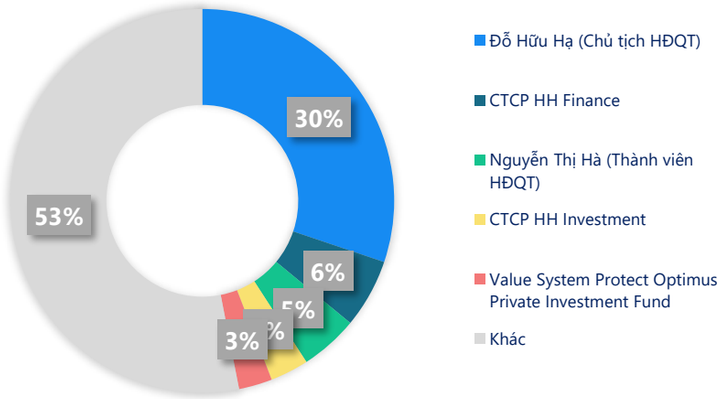
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



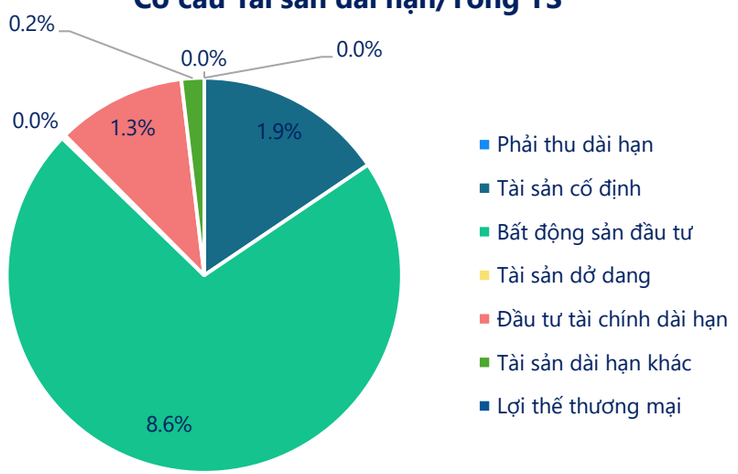
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

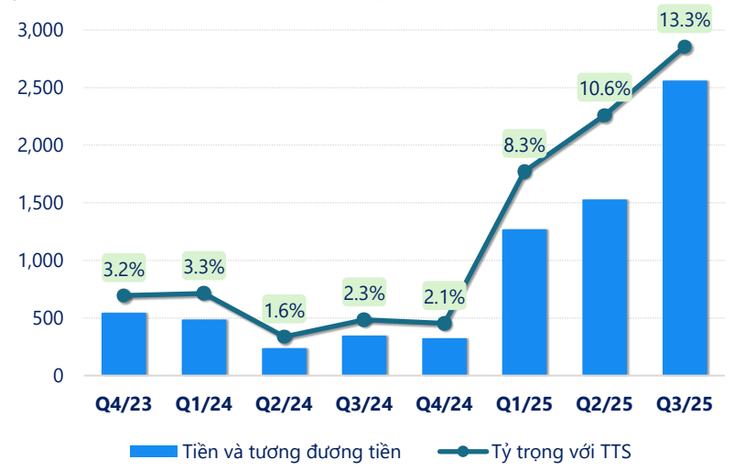


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

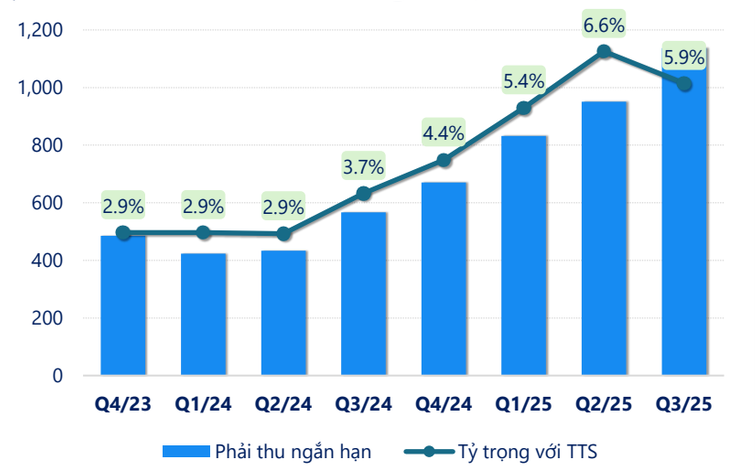
CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HSX: TCH)

Tiền và tương đương tiền



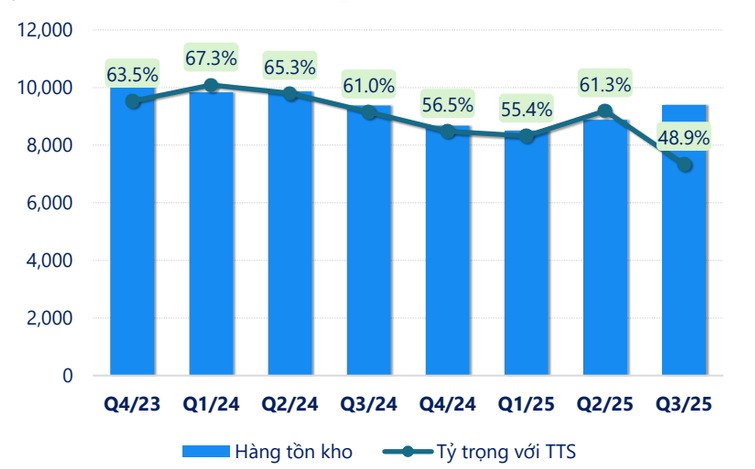
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



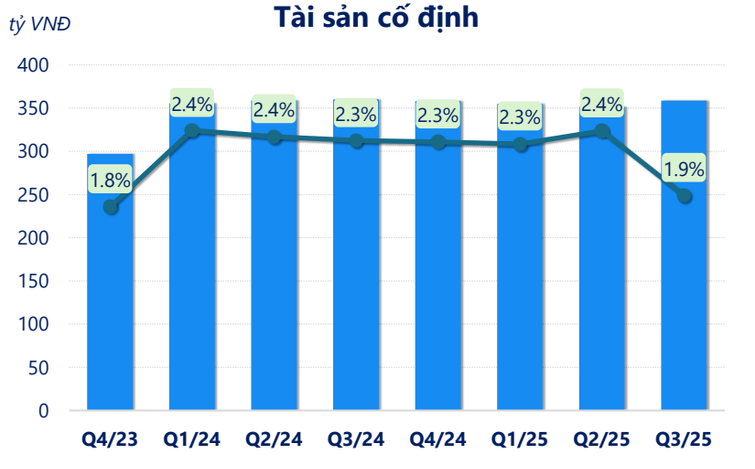
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



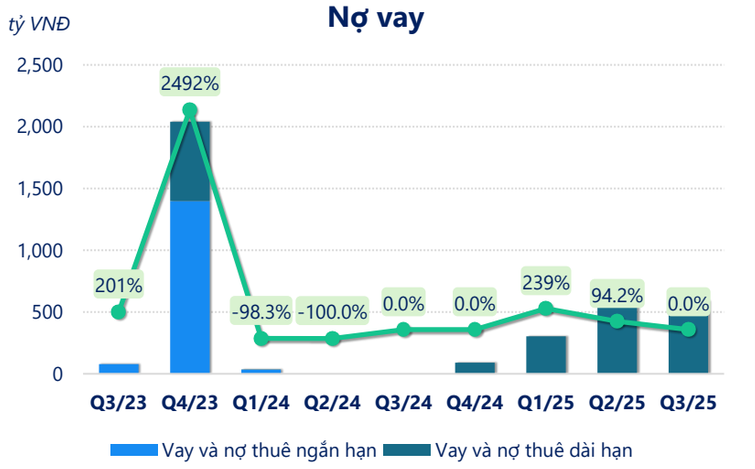
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



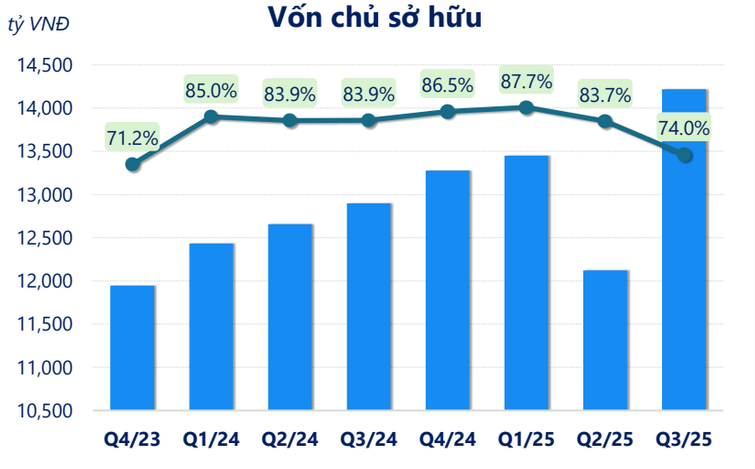
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

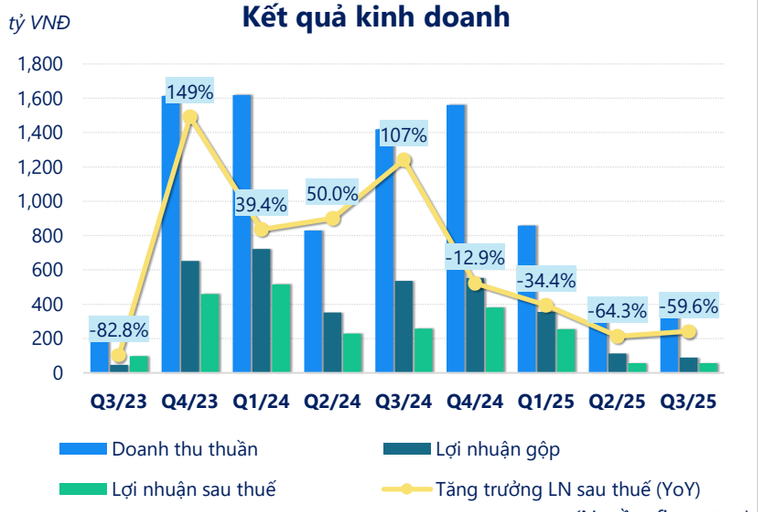


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

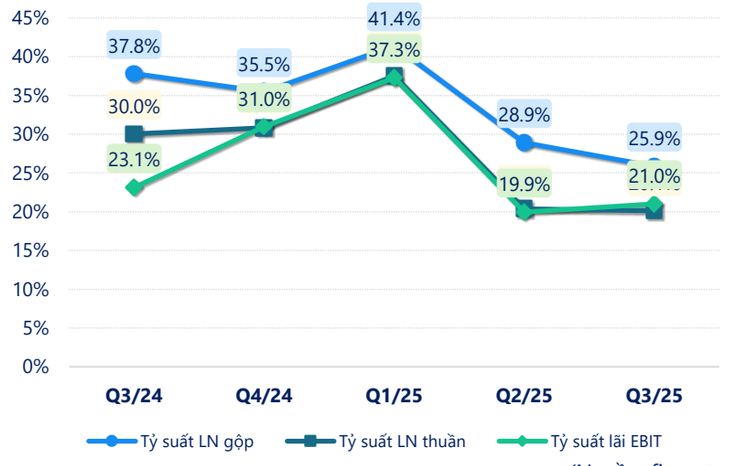
CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HSX: TCH)

Kết quả kinh doanh



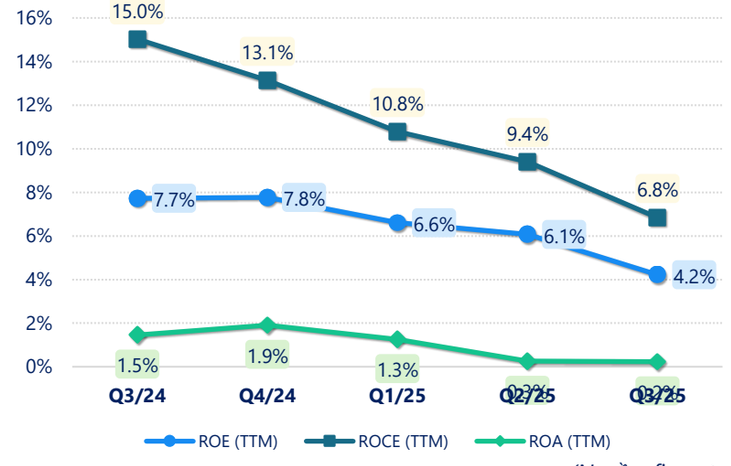
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



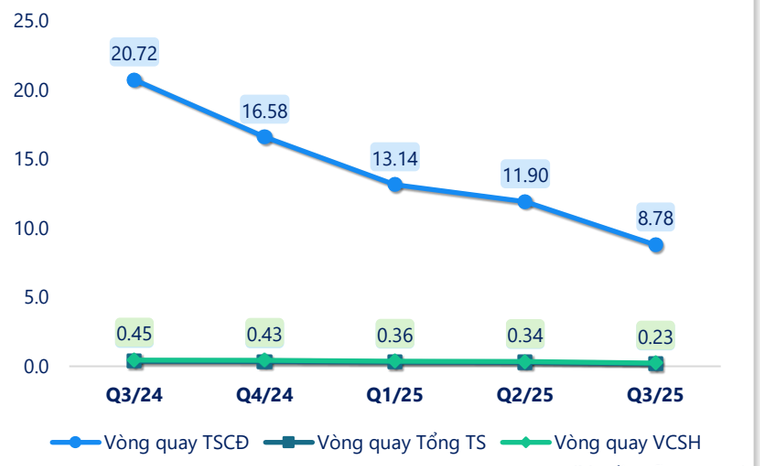
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



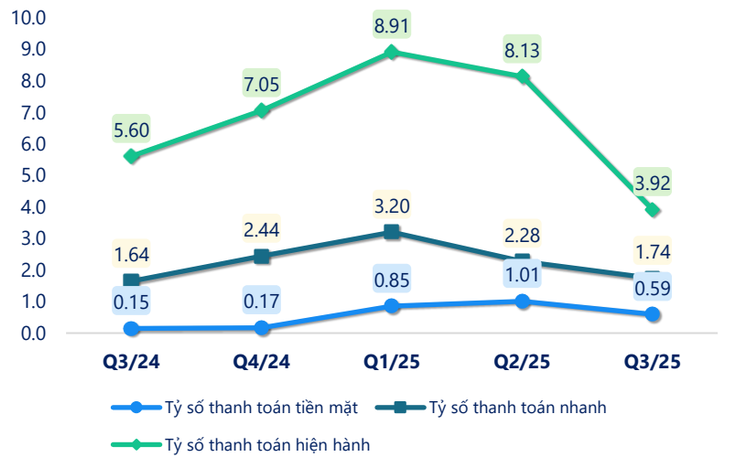
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



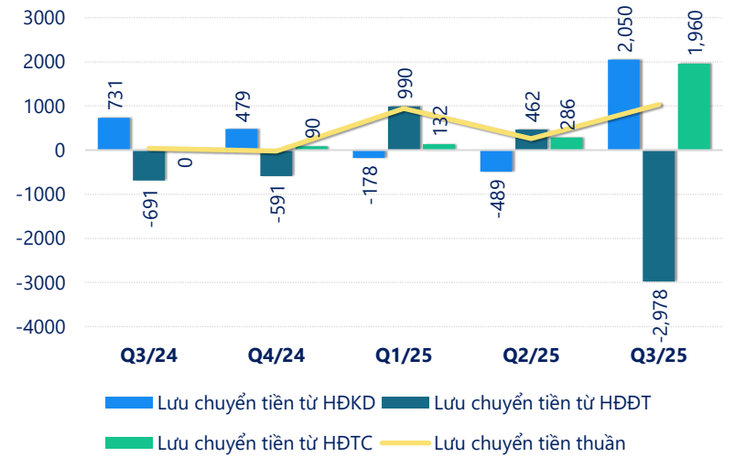
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (HSX: TCH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**19,209**	**15,349**	**25.2%**
Tài sản ngắn hạn	16,902	13,264	27.4%
Tiền và tương đương tiền	2,560	324	690%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,524	3,413	3.3%
Phải thu ngắn hạn	1,137	670	69.6%
Hàng tồn kho	9,399	8,676	8.3%
Tài sản ngắn hạn khác	281	181	55.4%
Tài sản dài hạn	**2,307**	**2,084**	**10.7%**
Phải thu dài hạn	0	0.12	-100%
Tài sản cố định	359	358	0.2%
Bất động sản đầu tư	1,654	1,672	-1.1%
Tài sản dở dang	7.47	12.5	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	244	0	
Tài sản dài hạn khác	**43.1**	**42.1**	**2.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,990	2,072	141%
Nợ ngắn hạn	**4,314**	**1,880**	**129%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	626	748	-16.3%
Nợ dài hạn	676	191	253%
Vay và nợ thuê dài hạn	591	89.7	558%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**14,219**	**13,277**	**7.1%**
Vốn chủ sở hữu	**14,219**	**13,277**	**7.1%**
Vốn điều lệ	8,687	6,682	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,419	1,561	859	390	346
Giá vốn hàng bán	882	1,007	503	278	257
Lợi nhuận gộp	536	554	355	113	89.5
Doanh thu HĐTC	37.2	32.7	45.4	36.1	40.2
Chi phí TC	-4.71	9.49	-0.39	11.8	0
Chi phí lãi vay	0	0.39	-0.39	0.09	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	66.1	74.3	52.2	36.0	31.6
Chi phí QLDN	86.0	21.3	26.7	21.7	28.4
LN thuần từ HĐKD	426	481	322	79.5	69.6
Lợi nhuận khác	-98.0	1.65	-1.80	-1.76	3.08
LN trước thuế	328	483	320	77.8	72.7
Lợi nhuận sau thuế	258	380	255	56.2	56.3
LNST của CĐ cty mẹ	220	307	188	37.9	40.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	731	479	-178	-489	2,050
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-691	-591	990	462	-2,978
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	89.7	132	286	1,960
Tiền đầu kỳ	237	347	324	1,268	1,528
Lưu chuyển tiền thuần	**39.9**	**-22.2**	**944**	**259**	**1,032**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.63	0.23	0.00	0.02
Tiền cuối kỳ	347	324	1,268	1,528	2,560

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic